TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các *Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm;

2. Ông Mai Văn Tài.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa*:** Bà Neáng Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Neáng P, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 12, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Chau R, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ 08, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người phiên dịch: Ông Kim S – Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 17 tháng 2 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Neáng P trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2010 bà và ông R tự tìm hiểu nhau và quyết định đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 08/4/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đã ly thân từ 2020 đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm nên bà Neáng P yêu cầu được ly hôn với ông R.

Về con chung: Có 02 con chung tên Néang S, sinh ngày 03/01/2011 và Chau Ph, sinh ngày 30/4/2020, bà Neáng P yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Chau R đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tống đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn và bị đơn còn trễ thời gian theo quy định.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Neáng P đối với ông Chau R.

Về con chung: Có 02 con chung tên Néang S, sinh ngày 03/01/2011 và Chau Ph, sinh ngày 30/4/2020, giao con chung cho bà P nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, ông Chau R vắng mặt. Nguyên đơn bà Neáng P vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Chau R đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Chau R.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Chau R có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại: Tổ 08, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Neáng P và ông Chau R tự tìm hiểu nhau và quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 08/4/2010 là đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống bà P, ông R phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2020 đến nay là phù hợp với kết quả xác minh ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại ấp P, xã Ô xác định *"...Bà Neáng P và Chau R kết hôn từ năm 2010. Ban nhân dân ấp không xác định được giữa vợ chồng có mâu thuẫn hay không, nhưng từ giữa năm 2019 đến nay không thấy ông R về cùng sống chung với bà P....."*. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông R đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án hai lần triệu tập hoà giải nhưng ông R không đến cũng chứng minh rằng ông R không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Neáng P là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Néang S, sinh ngày 03/01/2011 và Chau Ph, sinh ngày 30/4/2020. Xét thấy, từ thời điểm bà P, ông R ly thân 02 cháu S và Ph do bà P nuôi dưỡng, đồng thời cháu S cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, cháu Ph dưới 36 tháng tuổi, giữa các bên không có thỏa thuận khác nên cần tiếp tục giao con chung cho bà Neáng P nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Neáng P không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà Neáng P khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Chau R không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Neáng P đối với ông Chau R. Bà Neáng P được ly hôn với ông Chau R.

Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2010, ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Néang S, sinh ngày 03/01/2011 và Chau Ph, sinh ngày 30/4/2020 cho bà Neáng P nuôi dưỡng. Ông Chau R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Neáng P cùng các thành viên gia đình không được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của các bên.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Neáng P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008175 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà Neáng P đã nộp đủ án phí.

Ông Chau R không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- UBND xã Ô Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Thị Thúy Liễu